**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nam khóa IX thông qua ngày 27/8/1996, có hiệu lực thi hành từ ngày 09/9/1996. Sau hơn 20 năm thực hiện Pháp lệnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, là cơ sở góp phần thiết thực xây dựng lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng dự bị động viên (DBĐV) nói riêng ngày càng hùng hậu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định mới của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến lực lượng DBĐV chưa được thể chế, cụ thể hóa; một số nội dung của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) hiện hành có quy định liên quan đến lực lượng DBĐV, như: Luật quốc phòng, Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật dân quân tự vệ; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản QPPL tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ; quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cụ thể ở một số vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất:* Từ năm 1996 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về lực lượng DBĐV cần phải được thể chế hóa như:

Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên “tổ chức xây dựng các đơn vị dự bị động viên có chất lượng toàn diện, chú trọng nâng cao chất lượng về chính trị, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân nhân dự bị; quản lý và huấn luyện chặt chẽ, bảo đảm vũ khí trang bị, vật chất hậu cần để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ trong mọi tình huống diễn ra trên địa bàn và kịp thời bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội theo yêu cầu”.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ: “Tiếp tục hoàn thiện thể chế để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ, công an xã và lực lượng DBĐV. Coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục và huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương...”.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã có sự phát triển về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng DBĐV nói riêng: “Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh tổ chức quân đội để có cơ cấu cân đối giữa các quân, binh chủng, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng thường trực và DBĐV. Tổ chức quân đội theo hướng tinh, gọn, cơ động, có sức chiến đấu cao... Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lực lượng DBĐV hùng hậu, có chất lượng cao”.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có sự phát triển là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa...” và khẳng định: “... Xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, chủ động chuẩn bị lực lượng và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, đủ khả năng bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong mọi tình huống…”.

*Thứ hai:* Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, về xây dựng lực lượng DBĐV; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và một số quy định khác liên quan đến lực lượng DBĐV. Trong khi đó, Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để phù hợp với Hiến pháp năm 2013: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (khoản 2 Điều 14); “Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng DBĐV hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng” (Điều 66). Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên ghi nhận quyền về an sinh xã hội của công dân tại Điều 34. Theo đó công dân có quyền bảo đảm an sinh xã hội, đây là điểm mới về quyền của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và mở rộng đối tượng bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) theo quy định tại khoản 1 Điều 58 “Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện BHYT toàn dân...”. Để mọi công dân được bảo đảm quyền này, khoản 2 Điều 59 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người tàn tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn”. Kết nối các quy định này trong Hiến pháp 2013, có thể khẳng định rằng đây là quy định thể hiện bước phát triển mới về quyền con người của công dân về an sinh xã hội nói chung và về bảo hiểm xã hội, BHYT nói riêng.

*Thứ ba:* Luật bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Thông tư số 17/2014/TT-BTP, ngày 13/8/2014 quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ động trong việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, cụ thể như sau:

Quá trình lập đề nghị xây dựng dự án Luật: Đã tổ chức rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan, xác định cơ bản dự án Luật không có tác động nhiều về giới. Tuy nhiên, trong mỗi chính sách xây dựng Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đều lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Như, xây dựng chính sách huy động lực lượng DBĐV trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Huy động lực lượng DBĐV phòng, chống, khắc phục sự cố, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình hình đe dọa đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội khi chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp.

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức khảo sát toàn diện và nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến bình đẳng giới để xây dựng chính sách cho lực lượng dự bị động viên; đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện 16 bộ; trong đó tỷ lệ nữ là 4/38 đồng chí đạt 10,5%.

*Thứ tư:*Qua Tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên trên phạm vi cả nước đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, nổi bật là: Thực hiện chế độ nền nếp đăng ký, quản lý, kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 năm/lần đối với sĩ quan dự bị (SQDB) đã sắp xếp vào đơn vị DBĐV và tổ chức sinh hoạt toàn thể SQDB ở nhiều địa phương chưa thực hiện được; việc triển khai đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật (PTKT) của nền kinh tế quốc dân chưa thực sự hiệu quả, các chủ phương tiện chưa tự giác chấp hành việc đăng ký, quản lý của cơ quan quân sự địa phương, việc xử lý vi phạm chưa nghiêm.

Nguồn quân nhân dự bị (QNDB) tuy nhiều nhưng phân bố không đều; tập trung nhiều ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ, các thành phố lớn; các tỉnh miền Núi, Tây Nguyên và một số tỉnh phía Nam việc tổ chức các đơn vị DBĐV gặp khó khăn do chất lượng chuyên nghiệp quân sự (CNQS) của QNDB đạt thấp. SQDB thiếu so với yêu cầu do đầu vào hạn chế, số giải ngạch nhiều hơn số đăng ký vào ngạch; đào tạo SQDB chưa đáp ứng được nhu cầu do nguồn kinh phí hạn hẹp; chất lượng SQDB thấp, chủ yếu là đào tạo từ hạ sĩ quan (HSQ) chuẩn bị xuất ngũ, thời gian đào tạo ngắn, việc đào tạo, bổ túc, theo chức vụ chưa làm thường xuyên nên năng lực chỉ huy, huấn luyện, quản lý đơn vị DBĐV còn hạn chế. Công tác đào tạo HSQ chỉ huy, đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật mới bảo đảm yêu cầu hiện tại của đơn vị; chưa đáp ứng cho công tác tạo nguồn động viên ở địa phương theo khu vực vùng, miền.

Thực tiễn đòi hỏi, huy động lực lượng DBĐV tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm; tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định trong Pháp lệnh.

Việc bảo đảm doanh trại, thao trường, bãi tập cho huấn luyện tập trung đơn vị dự bị động viên gặp nhiều khó khăn; các đơn vị bộ đội địa phương cơ bản chưa có doanh trại, thao trường, bãi tập để tổ chức huấn luyện; một số đơn vị tổ chức huấn luyện phải ở nhờ trường học, hội trường ủy ban để làm nơi ăn, nghỉ cho quân nhân dự bị trong thời gian huấn luyện (sáng đi tối về hoặc ở trong nhà dân), do đó chưa kết hợp giữa huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện của đơn vị dự bị động viên.

Chế độ, chính sách đối với QNDB quy định trong Pháp lệnh không phù hợp với thực tế mặt bằng thu nhập chung của xã hội, chưa bảo đảm tính công bằng giữa các đối tượng được hưởng trong cùng hoàn cảnh, cùng điều kiện và chưa đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành (Luật dân quân tự vệ quy định chế độ được hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ từ cấp tiểu đội, khẩu đội trở lên). Mặt khác, Pháp lệnh chưa quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với người được huy động phục vụ nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng DBĐV; chưa quy định chế độ, chính sách đối với chủ phương tiện khi có phương tiện được huy động.

*Thứ năm*: Từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới, những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai, ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, an ninh phi truyền thống sẽ được sử dụng là chủ yếu, ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh. Mặt khác, thế giới đã và đang có nhiều thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến... để tiến hành chiến tranh. Nhằm chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi và đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược nếu xảy ra, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Pháp lệnh nâng thành Luật lực lượng DBĐV tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc xây dựng Luật lực lượng DBĐV là hết sức cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

**1. Mục đích**

Xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, có chất lượng cao làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**2. Quan điểm**

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội; thống lĩnh của Chủ tịch nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân; sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ; sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với lực lượng DBĐV.

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương mới của Đảng, Hiến pháp năm 2013 về xây dựng Quân đội nhân dân: “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng DBĐV hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng”, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về lực lượng DBĐV, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành về lực lượng DBĐV; đồng thời, bổ sung những quy định mới đã được thực tiễn kiểm nghiệm, chứng minh là phù hợp; bảo đảm tính kế thừa, phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về lực lượng DBĐV.

- Nghiên cứu những ưu điểm, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề nghị được rút ra từ Tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh hiện hành để bảo đảm tính thực tiễn, khả thi.

- Bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch và dễ tiếp cận; tiếp thu những ý kiến hợp lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, chuyên gia, nhà khoa học trong quá trình soạn thảo.

- Phù hợp với xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế; trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không để bị phụ thuộc, lệ thuộc vừa phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nguồn lực của đất nước trong xây dựng và huy động lực lượng DBĐV trong tình hình mới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

- Chính phủ giao Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo, phối với các cơ quan, tổ chức thực hiện đầy đủ, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Ngày 01/6/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg về việc Tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên. Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; bộ, ngành, địa phương, đơn vị trên phạm vi toàn quốc đã hoàn thành tổng kết Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên. Trên cơ sở kết quả tổng kết, Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ trì đã lập đề nghị, đánh giá tác động của chính sách Dự án Luật lực lượng dự bị động viên, báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019.

- Thực hiện Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08/6/2018 của Quốc hội khóa XIV Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018; Bộ Quốc phòng đã tổ chức xây dựng dự án Luật lực lượng dự bị động viên; lập hồ sơ gửi xin ý kiến 18 bộ, ngành Trung ương, 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức liên quan; đồng thời, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân. Bộ Quốc phòng tổ chức nghiên cứu công tác xây dựng lực lượng dự bị tại một số nước vận dụng phù hợp với điều kiện của nước ta và khảo sát, hội thảo tại một số địa phương đại diện cho các vùng, miền. Bộ Quốc phòng nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo Luật.

- Ngày 13/02/2019 Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 27/BC-BTP thẩm định dự án Luật lực lượng DBĐV. Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý vào dự thảo dự án Luật, trình Chính phủ.

- Ngày 01/3/2019, tại phiên họp thường kỳ tháng 02/2019 của Chính phủ, các thành viên Chính phủ đã thảo luận về dự án Luật. Chính phủ đã nhất trí thông qua dự thảo Luật. Tại Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 02 năm 2019, giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, ý kiến thẩm tra của Văn phòng Chính phủ hoàn thiện dự thảo Luật lực lượng DBĐV báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉnh lý trình Quốc hội theo quy định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

Ngày 26/11/2019, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam biểu quyết thông qua Luật Lực lượng dự bị động viên với 449/453 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 92,96% tổng số Đại biểu Quốc hội. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

**1. Bố cục của Luật**

Luật Lực lượng dự bị động viên gồm 5 chương, 41 điều.

**- Chương 1: Những quy định chung từ Điều 01 đến Điều 07** quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; trách nhiệm của quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên; quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị; bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra và các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

**- Chương 2: Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên từ Điều 08 đến Điều 28** gồm 03 mục:

+ Mục 1. Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên quy định về thẩm quyền lập kế hoạch; nội dung kế hoạch; thẩm định và phê duyệt kế hoạch; rà soát, điều chỉnh, lập mới kế hoạch

+ Mục 2: Xây dựng lực lượng dự bị động viên quy định về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị; đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên; tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên; sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên; độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình; sắp xếp phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên; thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị; tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên và chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị

+ Mục 3; Huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên quy định về các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên; huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ; huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng dự bị động viên và tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên.

**- Chương 3: Chế độ chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên từ Điều 29 đến Điều 34** quy định về phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên; chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị; chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động; nguồn kinh phí và nội dung chi cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

**- Chương 4: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên từ Điều 35 đến Điều 40** quy định về trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

**- Chương 5: Điều khoản thi hành**

**2. Nội dung cơ bản của Luật**

Luật Lực lượng dự bị động viên đã kế thừa Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên , song đã quy định rõ các nội dung, như: Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chế độ, chính sách và ngân sách bảo đảm cho xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên ; quy định và làm rõ đối tượng lập kế hoạch; hướng dẫn lập kế hoạch; thẩm định và phê chuẩn kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng dự bị động viên ; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong xây dựng lực lượng dự bị động viên  tạo cơ sở pháp lý vững chắc để lập kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng dự bị động viên  được tổ chức trên thực tiễn, có tính khả thi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội trong thời bình, khôi phục lực lượng thời chiến khi có chiến tranh. Luật cũng làm rõ việc phát huy trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị các cấp và cơ quan tham mưu trong lập kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng dự bị động viên . Đặc biệt, nội dung của chính sách đã quy định rõ, cụ thể đối tượng lập kế hoạch; hướng dẫn lập kế hoạch; thẩm định và phê chuẩn kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch hằng năm trong lập kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng dự bị động viên . Luật hóa các quy định hiện hành về huy động lực lượng dự bị động viên  đồng thời, bổ sung một số quy định thực hiện huy động lực lượng dự bị động viên  làm nhiệm vụ khi có thảm họa do thiên nhiên hoặc con người gây ra, dịch bệnh nguy hiểm; cùng với các quy định cụ thể bảo đảm sự tuân thủ của Hiến pháp năm 2013 về hạn chế quyền con người, quyền công dân...

***2.1.Quy định nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên (Điều 3), cụ thể:***

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

3. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

5. Xây dựng, huy động đơn vị dự bị động viên bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch dược phê duyệt.

6. Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

***2.2. Quy định 5 hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên (Điều 7)***

1. Trốn tránh thực hiện trách nhiệm của quân nhân dự bị, nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động.

2. Chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

3. Huy động, điều động lực lượng dự bị động viên không có trong kế hoạch được phê duyệt.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Phân biệt đối xử về giới trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

***2.3. Quy định độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình (Điều 17)***

1. Độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được quy định như sau:

a) Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu;

b) Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi; nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu.

***2.4. Quân nhân dự bị được hoãn diễn tập nếu gia đình khó khăn đột xuất (khoản 4 Điều 22)***

Quân nhân dự bị được hoãn tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp sau đây:

a) Trùng với thời gian thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng bậc thợ, nâng ngạch công chức, viên chức; thi kết thúc học kỳ, thi kết thúc khóa học được cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận;

b) Bị ốm đau hoặc hoàn cảnh gia đình, bản thân khó khăn đột xuất không thể tham gia, được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã nơi quân nhân dự bị cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc xác nhận

***2.5. Chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị (Điều 23)***

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng và tương đương trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị.

***2.6. Các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên (Điều 24)***

1. Khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ.

2. Khi thi hành lệnh thiết quân luật.

3. Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp.

4. Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

***2.7. Huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ (Điều 25)***

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị huy động ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra lệnh huy động đơn vị dự bị động viên ở từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, lệnh huy động của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, việc huy động lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

a) Người có thẩm quyền theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự quyết định gọi quân nhân dự bị nhập ngũ;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trong đơn vị dự bị động viên do cơ quan mình xây dựng;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị ở địa phương; trường hợp đơn vị Quân đội nhân dân không có người vận hành, điều khiển thì được quyết định huy động người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

***2.8. Huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ (Điều 26)***

1. Huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ bao gồm những trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 24 của Luật này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị trong trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 24 của Luật này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

3. Người chỉ huy đơn vị Quân đội nhân dân được giao quản lý địa phương thiết quân luật quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

***2.9. Phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên (Điều 29)***

1. Quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị dự bị động viên được hưởng phụ cấp.

2. Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng hoặc tương đương trở lên được hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị và thôi hưởng phụ cấp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định mức phụ cấp, điều kiện và thời gian được hưởng phụ cấp.

***2.10. Chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ (Điêu 30)***

1. Chế độ tiền lương và phụ cấp đối với quân nhân dự bị được quy định như sau:

a) Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức và hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc trả nguyên lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe. Trường hợp mức lương, phụ cấp thấp hơn mức lương, phụ cấp áp dụng trong Quân đội nhân dân thì đơn vị Quân đội nhân dân trả phần chênh lệch;

b) Quân nhân dự bị không thuộc các đối tượng theo quy định tại điểm a khoản này được đơn vị Quân đội nhân dân cấp một khoản phụ cấp theo ngày làm việc trên cơ sở mức tiền lương cơ bản của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, tại ngũ hoặc bằng mức phụ cấp theo cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; tiền tàu xe và phụ cấp đi đường như đối với quân nhân tại ngũ.

2. Quân nhân dự bị được cấp hoặc mượn quân trang, đồ dùng sinh hoạt và bảo đảm tiền ăn theo chế độ hiện hành đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

3. Quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc trong cơ quan, tổ chức nếu đang nghỉ phép năm mà được gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ thì những ngày phép còn lại được nghỉ tiếp sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc được nghỉ bù vào thời gian thích hợp.

4. Quân nhân dự bị khi thực hiện nhiệm vụ bị thương hoặc hy sinh được công nhận là thương binh hoặc liệt sĩ thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

5. Quân nhân dự bị khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng chế độ, chính sách như đối với người lao động làm cùng công việc.

6. Quân nhân dự bị tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ.

***2.11. Chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị (Điều 31)***

Gia đình quân nhân dự bị được hưởng trợ cấp trong thời gian quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ theo quy định của Chính phủ.

***2.12. Chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động (Điều 32)***

1. Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị được bảo đảm tiền ăn tương đương với tiền ăn của chiến sĩ bộ binh; trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, chết, bị suy giảm khả năng lao động hoặc khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách như đối với quân nhân dự bị.

2. Người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, làm việc trả nguyên lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp, phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe; trường hợp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được đơn vị Quân đội nhân dân chi trả tiền công lao động cho ngày làm việc tính theo mức thu nhập trung bình 03 tháng liền kề của công việc mà người đó thực hiện trước khi được huy động, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe.

***2.13. Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp (Điều 38)***

1. Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định ngân sách bảo đảm cho việc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của địa phương;

b) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên ở địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị Quân đội nhân dân thực hiện xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên.

Luật Lực lượng dự bị động viên có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27/8/1996 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.